

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 38/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05/6/2024

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình
ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Minh Huyền

Hội thẩm nhân dân:

- Ông Mai Văn Tài;
- Ông Chau Khon Sóc.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Văn Việt, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Chau Pho Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 51/2024/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 02 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 22/5/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Néang Chanh T, sinh năm 1994; Địa chỉ: Tổ 4, ấp Tô Trung, xã Núi Tô, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (có đơn xin vắng mặt);
- Bị đơn: Anh Chau K, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ 2, ấp Phước Lộc, xã Ô Lâm, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (vắng mặt);
- Người phiên dịch: Ông Chau Pho Ly – Chức vụ: Giáo viên Trường trung cấp nghề Dân Tộc nội trú tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản không tiến hành hòa giải được tại Tòa án chị Néang Chanh T trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2013 chị và anh K quen biết nhau do tự tìm hiểu nhau và có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn số 36/GKH, quyền số 01/2014

ngày 24/4/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Núi Tô, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống bên nhà vợ tại địa chỉ tổ 6, ấp Tô Trung, xã Núi Tô, huyện Tri Tôn. Thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc, khoảng được mấy tháng thì vợ chồng đi Sài Gòn làm nên bắt đầu mâu thuẫn từ năm 2014, nguyên nhân do chồng thường ghen tuông, nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, cuộc sống chung không hạnh phúc, đến khi chị T trở về quê sanh cháu Tria đến khoảng tháng 9/2014 vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay tình cảm không còn chị yêu cầu được ly hôn anh K.

Về con chung: Có một con chung tên cháu Néang Chanh Tria, sinh ngày 18/4/2014. Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Tria, không yêu cầu anh K cấp dưỡng con chung theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự cho bị đơn anh Chau K. Tuy nhiên, anh K vẫn không tham gia tố tụng. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các đương sự được.

Tại phiên tòa chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh K vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Hội đồng xét xử công bố kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân, nơi cư trú của anh K.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng, quan điểm giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý giải quyết án Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 35, Điều 68, Điều 97, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng quy định về xét xử phiên tòa sơ thẩm.

Về chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần hai, cả hai đều thuộc trường hợp Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và bị đơn không thực hiện được theo Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét, nhận thấy theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Néang Chanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Chau K có địa chỉ tại tổ 2, ấp Phước Lộc, xã Ô Lâm, huyện Tri Tôn tỉnh An Giang nên thuộc tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy

định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh K. Nhưng tại phiên tòa, anh K vắng mặt, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét chị T có đơn xin xét xử vắng mặt phù hợp với pháp luật còn anh K đây là lần vắng mặt thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Vào năm 2013 chị và anh K quen biết nhau do tự tìm hiểu nhau và có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn số 36/GKH, quyền số 01/2014 ngày 24/4/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Núi Tô, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang nên đây là hôn nhân hợp pháp phù hợp theo Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Theo lời khai của chị T cho rằng vợ chồng mâu thuẫn do chồng thường ghen tuông, nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, cuộc sống chung không hạnh phúc nên từ khoảng tháng 9/2014 thì vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay, nay tình cảm không còn nên chị T yêu cầu được ly hôn.

Qua kết quả xác minh tại địa phương ấp Phước Lộc xã Ô Lâm và ấp Tô Trung xã Núi Tô đều cho biết: Anh K có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 2, ấp Phước Lộc, xã Ô Lâm, huyện Tri Tôn. Hiện tại anh K đi làm ăn ở xa, thỉnh thoảng anh K có về nhưng về nhà bên cha ruột sống tại ấp Phước Lộc, xã Ô Lâm, huyện Tri Tôn từ năm 2015. Về mâu thuẫn vợ chồng thì địa phương biết không biết do không nghe trình báo địa phương, chỉ biết vợ chồng không còn sống chung tại nhà vợ nữa từ năm 2015 đến nay.

Xét thấy, lời khai của chị T, các biên bản xác minh phù hợp với nhau về việc vợ chồng có ly thân là sự thật nên việc trình bày của chị T cho rằng mâu thuẫn là từ sau khi chị sinh con, nguyên nhân do chồng thường ghen tuông, nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, cuộc sống chung không hạnh phúc, nên đến khoảng tháng 9/2014 vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nhận thấy, thời gian ly thân quá lâu để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng cả hai vẫn không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng đến nay thì chị T và anh K vẫn còn ly thân đều đó chứng tỏ hai bên không có tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc.

Cho nên, tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh, chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh K có một con chung tên cháu Néang Chanh Tria, sinh ngày 18/4/2014. Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Tria, không yêu cầu anh K cấp dưỡng con chung theo quy định pháp luật.

Nhận thấy, hiện tại cháu Tria đang do chị T nuôi dạy và chị T có đi làm nên có thu nhập đảm bảo cho việc nuôi dạy, chăm sóc cháu được ổn định. Đồng

thời tại bản tự khai cùng ngày 15/3/2024 thì cháu Tria có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ. Từ đó để đảm bảo cho môi trường sống của cháu được ổn định thì giao hai cháu Tria cho chị T tiếp tục nuôi dạy là phù hợp. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, xét chấp nhận.

Căn cứ Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình thì sau khi ly hôn cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định pháp luật mà không ai được quyền cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, khi có yêu cầu của đương sự hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân theo mức án phí không giá ngạch.

Anh K không phải chịu án phí hôn nhân.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ câu khởi kiện của Chị Néang Chanh T.

Về hôn nhân: Chị Néang Chanh T được ly hôn với anh Chau K

Giấy chứng nhận kết hôn số 36/GKH, quyển số 01/2014 ngày 24/4/2014 thì tại Ủy ban nhân dân xã Núi Tô, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Chị Néang Chanh T được tiếp tục nuôi dạy cháu chung tên Néang Chanh Tria, sinh ngày 18/4/2014. Anh Chau K không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, xét chấp nhận.

Sau khi ly hôn cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định pháp luật mà không ai được quyền cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, khi có yêu cầu của đương sự hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Néang Chanh T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0012271 ngày 20/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Anh Chau K không phải chịu án phí hôn nhân.

Thời hạn của chị T và anh K do vắng mặt nên có quyền kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS.ND huyện Tri Tôn;
- THA.DS huyện Tri Tôn;
- TAND Tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Minh Huyền